SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN
Số: 638 /CCQLCL-QLCLCBTMNS
V/v thông báo quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) của Thành viên WTO từ ngày 01/10-15/10/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày22 tháng 10 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Trung tâm Khuyến nông tỉnh Thái Nguyên;
- Hội Chè tỉnh Thái Nguyên;
- Hội Chăn nuôi - Thú y Thái Nguyên;
- Các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm sản.

Thực hiện Thông báo số 837/TB-SPS-BNNMT ngày 16/10/2026 của Văn phòng SPS Việt Nam về tổng hợp thông báo dự thảo và thông báo có hiệu lực về các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động, thực vật (SPS) từ ngày 01/10 - 15/10/2026.

Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản gửi đến các đơn vị 30 thông báo có hiệu lực của các thị trường: Cộng hòa Môn-đô-va, Hoa Kỳ, Nhật Bản, Thổ Nhĩ Kỳ, Cộng hòa Phi-líp-pin, Ai Cập, Cam-pu-chia, Cộng hòa Ni-ca-ra-goa và Liên minh châu âu. Đề nghị Hội Chè tỉnh Thái Nguyên; Hội Chăn nuôi - Thú y Thái Nguyên, Uỷ ban nhân dân các xã, phường thông báo tới các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông, lâm sản biết và thực hiện; Trung tâm Khuyến nông phối hợp đăng tải thông tin trên Website của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

(Gửi kèm Thông báo số 837/TB-SPS-BNNMT ngày 16/10/2026 của Văn phòng SPS Việt Nam và nội dung chi tiết các thông báo tại Phụ lục kèm theo)

Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản gửi các đơn vị, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, QLCLCBTMNS.

CHI CỤC TRƯỞNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN TỈNH THÁI NGUYÊN
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

Lê Thị Quỳnh Hương

Phụ lục: **DANH SÁCH THÔNG BÁO QUY ĐỊNH CÓ HIỆU LỰC VỀ CÁC BIỆN PHÁP AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ KIỂM DỊCH ĐỘNG THỰC VẬT (SPS) CỦA THÀNH VIÊN TỔ CHỨC THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI (WTO) TỪ NGÀY 01/10-15/10/2026**

*(Kèm theo Công văn số:*638 */CCQLCL-QLCLCBTMNS ngày 22/10/2026 của Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản tỉnh Thái Nguyên)*

1. Danh sách quy định có hiệu lực

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
1	G/SPS/N/MDA/43	CNTY	Cộng hòa Môn-đô-va	15/10/2026	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Quyết định số 43 22/01/2026 về việc phê duyệt quy định thiết lập danh sách các quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc khu vực được phép nhập khẩu động vật, vật liệu di truyền và sản phẩm có nguồn gốc động vật vào quốc gia này.	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Quyết định số 43 22/01/2026 về việc phê duyệt quy định thiết lập danh sách các quốc gia, vùng lãnh thổ hoặc khu vực được phép nhập khẩu động vật, vật liệu di truyền và sản phẩm có nguồn gốc động vật vào quốc gia này. Theo đó, Quyết định thiết lập các điều kiện cụ thể và bảo đảm về sức khỏe động vật cho các lô hàng nhập khẩu, quy định các mẫu giấy chứng nhận sức khỏe bắt buộc do quốc gia hoặc vùng lãnh thổ xuất xứ cấp. Đồng thời, Quyết định cũng hệ thống hóa các tiêu chuẩn áp dụng cho từng nhóm đối tượng cụ thể như động vật móng guốc, động vật móng guốc trong khu vực cách ly, động vật họ ngựa, gia cầm, ong và loài bắp cày, chó mèo, các sản phẩm từ thịt, sữa, trứng, động vật thủy sản, v.v. ***Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật số 196/2024 về sức khỏe động vật có hiệu lực và sẽ chính thức bãi bỏ vào ngày Cộng hòa Môn-đô-va gia nhập Liên minh Châu Âu.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
2	G/SPS/N/MDA/42	CNTY	Cộng hòa Môn-đô-va	15/10/2026	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Lệnh số 42/2026 về quy định mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật đối với nhập khẩu động vật trên cạn và sản phẩm sinh dục của chúng.	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Lệnh số 42 ngày 22/01/2026 về quy định mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật đối với nhập khẩu động vật trên cạn và sản phẩm sinh dục của chúng. Lệnh phê duyệt quy định mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật và mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật kèm chứng nhận chính thức cho nhập khẩu vào Môn-đô-va các lô hàng thuộc một số loại động vật trên cạn và sản phẩm sinh dục của chúng, chuyển thể quy định thực hiện (EU) 2021/403 của Ủy ban ngày 18/3/2021, được sửa đổi lần cuối bởi Quy định thực hiện (EU) 2025/544 ngày 25/3/2025. Phạm vi áp dụng gồm nhiều loại động vật trên cạn (trâu bò, lợn, cừu, dê, ngựa, lạc đà, hươu, gia cầm, ong, chó, mèo, chồn sương, động vật hoang dã, linh trưởng...) và sản phẩm sinh dục (tinh dịch, noãn, phôi). Văn bản gồm Lệnh, Quy định (Chương I–XXIII) và ba Phụ lục: 68 chương mẫu giấy chứng nhận cho vận chuyển nội địa, 68 chương mẫu cho nhập khẩu và 2 mẫu tờ khai cho vận tải biển và trung chuyển ngựa. Các yêu cầu chính gồm: bác sĩ thú y chính thức điền và ký giấy chứng nhận; xử lý đúng các tuyên bố thay thế; cấp giấy chứng nhận trước khi lô hàng rời khỏi sự kiểm soát; sử dụng tiếng Romania hoặc ngôn ngữ quốc tế; công nhận chứng nhận điện tử và TRACES; quy định thay thế giấy chứng nhận khi có lỗi hành chính, hư hỏng hoặc mất mát. ***Lệnh có hiệu lực từ ngày 07/5/2026.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
3	G/SPS/N/MDA/41	CLCB, CNTY	Cộng hòa Môn-đô-va	15/10/2026	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Quyết định số 64 02/02/2026 về việc quy định các mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật áp dụng cho việc vận chuyển động vật thủy sản và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật thủy sản khi nhập khẩu vào quốc gia này.	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Quyết định số 64 02/02/2026 về việc quy định các mẫu giấy chứng nhận sức khỏe động vật áp dụng cho việc vận chuyển động vật thủy sản và sản phẩm có nguồn gốc từ động vật thủy sản khi nhập khẩu vào quốc gia này. Theo đó, Quy định yêu cầu giấy chứng nhận phải do bác sĩ thú y chính thức lập, điền thông tin và ký kết. Chữ ký và con dấu của bác sĩ thú y phải có màu khác với màu văn bản in (trừ các con dấu bảo mật dập nổi), các tuyên bố không liên quan phải được gạch bỏ, ký nháy và đóng dấu. Chứng nhận phải đảm bảo tính nguyên vẹn (gồm một trang hoặc chuỗi trang được đánh số thứ tự tuần tự và có mã định danh duy nhất do cơ quan có thẩm quyền cấp). Ngôn ngữ bắt buộc là tiếng Rô-ma-ni-a (có thể kèm bản dịch nước ngoài phục vụ thương mại quốc tế). Giấy chứng nhận sức khỏe động vật có giá trị sử dụng trong vòng 10 ngày kể từ ngày cấp (đối với vận tải đường thủy/hàng hải, thời hạn này được kéo dài theo thời gian hành trình thực tế của tàu). Cơ quan có thẩm quyền chỉ cấp giấy chứng nhận thay thế trong trường hợp có sai sót hành chính hoặc chứng nhận gốc bị hư hỏng/mất. Chứng nhận thay thế không được thay đổi các thông tin cốt lõi về nhận diện lô hàng, tính truy xuất nguồn gốc và các bảo đảm ban đầu; đồng thời phải ghi rõ mã tham chiếu và ngày tháng của bản gốc. ***Quyết định được thông qua vào ngày 02/02/2026 và dự kiến có hiệu lực vào ngày 13/11/2026.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
4	G/SPS/N/MDA/40	CNTY, CLCB	Cộng hòa Môn-đô-va	15/10/2026	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Lệnh số 44 phê duyệt Danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ được phép xuất khẩu một số động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật dùng làm thực phẩm vào Môn-đô-va.	Cộng hòa Môn-đô-va ban hành Lệnh số 44 phê duyệt Danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ được phép xuất khẩu một số động vật và sản phẩm có nguồn gốc động vật dùng làm thực phẩm vào Môn-đô-va. Lệnh được ban hành theo Luật số 82/2024 về kiểm soát chính thức trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm, đồng thời nội luật hóa Quy định thực thi (EU) 2021/405 của Liên minh châu Âu. Cụ thể, Lệnh quy định danh sách các quốc gia và vùng lãnh thổ được phép xuất khẩu từng nhóm sản phẩm vào Môn-đô-va, bao gồm thịt tươi, sản phẩm thịt, gia cầm, trứng, thủy sản, động vật thân mềm, sữa và sản phẩm sữa, mật ong, gelatin, collagen và các sản phẩm có nguồn gốc động vật khác. Việc cho phép nhập khẩu căn cứ vào danh sách được phê duyệt theo từng nhóm sản phẩm, đồng thời xem xét việc đáp ứng các yêu cầu về kiểm soát chất có hoạt tính dược lý, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, chất ô nhiễm, an toàn thực phẩm và sức khỏe động vật. Các quốc gia và vùng lãnh thổ phải đáp ứng các điều kiện tương ứng với từng nhóm hàng hóa theo các phụ lục của Lệnh. ***Lệnh có hiệu lực từ ngày 07/5/2026.***
5	G/SPS/USA/3599	TTBVTV	Hoa Kỳ	14/10/2026	Hoa Kỳ ban hành quyết định bãi bỏ kiểm soát đối với bệnh gỉ trắng hoa cúc và cho phép nhập khẩu cành giâm, cây cúc nuôi cấy mô (*Chrysanthemum* spp.).	Hoa Kỳ ban hành quyết định bãi bỏ kiểm soát đối với bệnh gỉ trắng hoa cúc và cho phép nhập khẩu cành giâm, cây cúc nuôi cấy mô (*Chrysanthemum* spp.). Theo đó, Cơ quan Kiểm dịch động, thực vật Hoa Kỳ (Animal and Plant Health Inspection Service - APHIS) đã rà soát, cập nhật các tài liệu đánh giá nhập khẩu hàng hóa và danh mục sinh vật gây hại trên cơ sở kết quả phân tích nguy cơ dịch hại (PRA) đã được công bố lấy ý kiến trước đó. Kết quả đánh giá xác định việc nhập khẩu các loại vật liệu nhân giống hoa cúc nêu trên

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						từ 21 quốc gia như sau: Bỉ, Bô-li-vi-a, Bra-xin, Cô-lôm-bi-a, Ca-na-đa, Cốt-xta Ri-ca, En Xan-va-đo, Ê-ti-ô-pi-a, Đức, Goa-tê-ma-la, Kê-ni-a, Mê-hi-cô, Hà Lan, Ni-ca-ra-goa, Pa-na-ma, Tây Ban Nha, Tan-da-ni-a, Tuy-ni-di, U-gan-đa, Vương quốc Anh và Việt Nam không gây nguy cơ du nhập sinh vật gây hại kiểm dịch trên vào Hoa Kỳ. ***Quy định có hiệu lực từ ngày 09/11/2026.***
6	G/SPS/N/USA/3379/Add.1	TTBVTV	Hoa Kỳ	14/10/2026	Hoa Kỳ ban hành sửa đổi quy định về nhập khẩu hoa cắt cành, bãi bỏ các hạn chế liên quan đến bệnh gỉ trắng hoa cúc do nấm *Puccinia horiana* gây ra.	Hoa Kỳ ban hành sửa đổi quy định về nhập khẩu hoa cắt cành, bãi bỏ các hạn chế liên quan đến bệnh gỉ trắng hoa cúc do nấm *Puccinia horiana* gây ra. Theo đó, Cơ quan Kiểm dịch động, thực vật Hoa Kỳ (Animal and Plant Health Inspection Service - APHIS) loại bỏ các yêu cầu nhập khẩu đối với một số loại hoa cắt cành khỏi văn bản quy định hiện hành và chuyển sang quản lý thông qua cơ sở dữ liệu Yêu cầu nhập khẩu hàng hóa nông nghiệp (Agricultural Commodity Import Requirements - ACIR) của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ. Đồng thời, Hoa Kỳ bãi bỏ toàn bộ các hạn chế nhập khẩu đối với hoa cắt cành thuộc các chi *Chrysanthemum*, *Leucanthemella* và *Nipponanthemum* từ những quốc gia có ghi nhận bệnh gỉ trắng hoa cúc. Việc sửa đổi cho phép APHIS cập nhật các yêu cầu nhập khẩu thông qua cơ chế thông báo, đơn giản hóa thủ tục quản lý. ***Hiệu lực từ ngày 09/11/2026.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
7	G/SPS/N/JPN/1433	TTBVTV	Nhật Bản	09/10/2026	Nhật Bản ban hành biện pháp khẩn cấp ngăn ngừa sự xâm nhập của tuyến trùng *Meloidogyne enterolobii*.	Nhật Bản ban hành biện pháp khẩn cấp ngăn ngừa sự xâm nhập của tuyến trùng *Meloidogyne enterolobii*. Theo đó, biện pháp áp dụng đối với các bộ phận dưới mặt đất của cây sống có khả năng sử dụng làm vật liệu trồng trọt thuộc danh mục quy định có nguồn gốc từ I-ta-li-a và cây *Hosta plantaginea* có nguồn gốc từ các nước, vùng lãnh thổ có sự xuất hiện của tuyến trùng này, trong đó có Việt Nam. Quy định yêu cầu cây phải được trồng tại cơ sở sản xuất hoặc địa điểm sản xuất chưa từng ghi nhận sự xuất hiện của *M. enterolobii* hoặc đã loại trừ hoàn toàn sinh vật gây hại này. Đồng thời, cây phải được kiểm tra trong mùa sinh trưởng, giá thể trồng và các bộ phận dưới mặt đất phải được xét nghiệm bằng phương pháp phù hợp và xác nhận không nhiễm *M. enterolobii*. Cơ quan bảo vệ thực vật quốc gia của nước xuất khẩu phải bổ sung nội dung xác nhận đáp ứng yêu cầu tại mục 13, Bảng 2-2 của Phụ lục kèm theo Quy định hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ thực vật trên Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật hoặc bản sao được chứng nhận. Biện pháp không áp dụng đối với cây sống được nuôi cấy vô trùng, đóng kín trong ống nghiệm, bình nuôi cấy hoặc vật chứa tương tự và nhập khẩu trong tình trạng không nhiễm sinh vật gây hại kiểm dịch. ***Quy định có hiệu lực từ ngày 30/9/2026.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
8	G/SPS/N/TUR/164	TTBVTV	Thổ Nhĩ Kỳ	07/10/2026	Thổ Nhĩ Kỳ ban hành Quy trình hun trùng và khử trùng đối với việc nhập khẩu thực vật, sản phẩm thực vật và các chất khác.	Thổ Nhĩ Kỳ ban hành Quy trình hun trùng và khử trùng đối với việc nhập khẩu thực vật, sản phẩm thực vật và các chất khác. Theo đó, khi nhập khẩu thực vật, sản phẩm thực vật và các chất khác vào Thổ Nhĩ Kỳ, sản phẩm phải kèm Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan bảo vệ thực vật chính thức của nước xuất khẩu cấp, gửi cho Thổ Nhĩ Kỳ và tuân thủ tiêu chuẩn ISPM 12. Thông tin về xử lý tại nước xuất khẩu phải được ghi rõ trong mục "Xử lý khử trùng và/hoặc khử khuẩn" của Giấy chứng nhận. Trường hợp hun trùng do nước xuất khẩu thực hiện, dù theo yêu cầu của Thổ Nhĩ Kỳ hay không, tất cả các biện pháp xử lý phải được ghi đầy đủ trong mục tương ứng của Giấy chứng nhận. Hun trùng là biện pháp kiểm soát dịch hại quan trọng đối với thực vật, sản phẩm thực vật, giúp kiểm soát dịch hại, giảm tổn thất sản phẩm và đáp ứng yêu cầu kiểm dịch. Quy định về Kiểm dịch thực vật yêu cầu hun trùng phải được thực hiện bởi nước xuất khẩu đối với một số sản phẩm nhất định. Tuy nhiên, ngay cả khi không bắt buộc theo Quy định, một số nước xuất khẩu vẫn hun trùng lô hàng để giảm nguy cơ nhiễm sinh vật gây hại trong quá trình vận chuyển. Do thuốc bảo vệ thực vật dùng để hun trùng có độc tính, gây rủi ro cho sinh vật sống, an toàn thực phẩm và môi trường, nên để phòng ngừa rủi ro, chi tiết xử lý hun trùng phải được khai báo đầy đủ trên Giấy chứng nhận đối với tất cả lô hàng đã hun trùng, và tài liệu hun trùng liên quan phải kèm theo Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật. ***Quy định có hiệu lực từ ngày 01/01/2027.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
9	G/SPS/N/PHL/545	CNTY	Cộng hòa Phi-líp-pin	07/10/2026	Phi-líp-pin ban hành Thông báo về việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp và cấm tạm thời việc nhập khẩu động vật, sản phẩm và phụ phẩm từ động vật có nguy cơ cao mắc bệnh lở mồm long móng từ một số quốc gia bị ảnh hưởng, bao gồm Việt Nam.	Phi-líp-pin ban hành Thông báo về việc áp dụng các biện pháp khẩn cấp và cấm tạm thời việc nhập khẩu động vật, sản phẩm và phụ phẩm từ động vật có nguy cơ cao mắc bệnh lở mồm long móng (Foot and Mouth Disease - FMD) từ một số quốc gia bị ảnh hưởng, bao gồm Việt Nam. Theo đó, Phi-líp-pin cấm nhập khẩu thịt cơ, ruột động vật, mỡ động vật, móng và sừng, động vật sống thuộc các họ lợn, bò, hươu, nai và tinh dịch của các loài này. Tuy nhiên, một số sản phẩm vẫn được phép nhập khẩu khi đáp ứng các điều kiện kiểm dịch thú y, bao gồm sữa và sản phẩm sữa xử lý ở nhiệt độ siêu cao (Ultra-High Temperature - UHT), sản phẩm thịt xử lý nhiệt trong bao bì kín có giá trị F_0 (sử dụng nhiệt độ 121°C để loại bỏ/tiêu diệt tất cả các vi sinh vật có trong thực phẩm) từ 3 phút trở lên, bột protein, gelatin, da xử lý bằng vôi, da ngâm axit và da thuộc bán thành phẩm. Các lô hàng không đáp ứng điều kiện nhập khẩu sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành, trong đó hàng hóa thuộc diện cấm sẽ bị đình chỉ nhập khẩu và tịch thu tại các cửa khẩu. ***Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 19/9/2026.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
10	G/SPS/N/EGY/180/Add.1	BCT	Ai Cập	07/10/2026	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 về việc sửa đổi một phần Tiêu chuẩn "ES 8205-1 về yêu cầu chung đối với các sản phẩm thay thế thuốc lá truyền thống - Phần 1: Thuốc lá điện tử (dung dịch điện tử – e-liquid)".	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 về việc sửa đổi một phần Tiêu chuẩn "ES 8205-1 về yêu cầu chung đối với các sản phẩm thay thế thuốc lá truyền thống - Phần 1: Thuốc lá điện tử (dung dịch điện tử – e-liquid)". Cụ thể: - Mục 3/6 được sửa đổi thành: Dung tích chất lỏng trong đầu lọc/hộp chứa (cartridge theo khoản 2/4) chứa dung dịch điện tử (e-liquid), được thiết kế sử dụng một lần và lắp với thiết bị gia nhiệt riêng, không vượt quá 20 ml; - Mục 3/7 được sửa đổi thành: Dung tích của bình chứa dung dịch điện tử (e-liquid) tích hợp trong cùng một sản phẩm không được vượt quá 20 ml. Quy định mới dành cho các nhà sản xuất và nhập khẩu thời gian chuyển tiếp 06 tháng để tuân thủ tiêu chuẩn sửa đổi. Các nhà sản xuất, nhập khẩu cập nhật các sửa đổi Tiêu chuẩn thông qua các quyết định hành chính được công bố trên Công báo chính thức của Ai Cập. Nghị định sẽ có hiệu lực kể từ ngày tiếp theo ngày công bố trên Công báo chính thức. ***Thời hạn góp ý trước ngày 06/12/2026.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
11	G/SPS/N/EGY/144/Add.1	BCT	Ai Cập	07/10/2026	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 về việc sửa đổi một phần Tiêu chuẩn "ES 1589 về Tiêu chuẩn chung đối với nước uống đóng chai/đóng bình (ngoài nước khoáng thiên nhiên)".	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 về việc sửa đổi một phần Tiêu chuẩn "ES 1589 về Tiêu chuẩn chung đối với nước uống đóng chai/đóng bình (ngoài nước khoáng thiên nhiên)". Theo đó, mục 3/4/1/5 về thử nghiệm đặc tính phóng xạ được sửa đổi thành: Hoạt độ phóng xạ Alpha (α) có giới hạn tối đa cho phép là 0,5 Bq/l. Quy định mới dành cho các nhà sản xuất và nhập khẩu thời gian chuyển tiếp 06 tháng để tuân thủ tiêu chuẩn sửa đổi. Các nhà sản xuất, nhập khẩu cập nhật các sửa đổi Tiêu chuẩn thông qua các quyết định hành chính được công bố trên Công báo chính thức của Ai Cập. Nghị định sẽ có hiệu lực kể từ ngày tiếp theo ngày công bố trên Công báo chính thức. ***Thời hạn góp ý trước ngày 06/12/2026.***
12	G/SPS/N/EGY/76/Add.2	CLCB	Ai Cập	07/10/2026	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 quy định thời gian chuyển tiếp về việc áp dụng Tiêu chuẩn ES 1725 đối với cá muối.	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 quy định thời gian chuyển tiếp về việc áp dụng Tiêu chuẩn ES 1725 đối với cá muối. Theo đó, Nghị định được thông qua ngày 21/9/2026, cho phép các nhà sản xuất và nhập khẩu có thời gian chuyển tiếp 06 tháng để tuân thủ Tiêu chuẩn Ai Cập ES 1725 về cá muối. Tiêu chuẩn này phù hợp với Tiêu chuẩn Codex CXS 244 về cá trích Đại Tây Dương muối và cá trích cơm muối, được thông qua năm 2004 và sửa đổi vào các năm 2011, 2013, 2016, 2018 và 2024. Trước đó, phiên bản cũ của tiêu chuẩn đã được áp dụng bắt buộc theo Nghị định số 256/2016 và dự thảo sửa đổi đã được thông báo tới WTO ngày 07/4/2026.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Nghị định sẽ có hiệu lực kể từ ngày tiếp theo ngày công bố trên Công báo chính thức. ***Thời hạn góp ý trước ngày 06/12/2026.***
13	G/SPS/N/EGY/60/Add.4	CLCB	Ai Cập	07/10/2026	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 quy định thời gian chuyển tiếp về việc áp dụng Tiêu chuẩn ES 804 đối với cá ngừ và cá ngừ vằn đóng hộp.	Ai Cập ban hành Nghị định số 209/2026 quy định thời gian chuyển tiếp về việc áp dụng Tiêu chuẩn ES 804 đối với cá ngừ và cá ngừ vằn đóng hộp. Theo đó, Nghị định được thông qua ngày 21/9/2026, cho phép các nhà sản xuất và nhập khẩu có thời gian chuyển tiếp 06 tháng để tuân thủ Tiêu chuẩn Ai Cập ES 804. Tiêu chuẩn này tương đương về mặt kỹ thuật với Tiêu chuẩn Codex CXS 70-1981 về cá ngừ và cá ngừ vằn đóng hộp, được thông qua năm 1981, sửa đổi năm 1995 và bổ sung vào các năm 2011, 2013, 2016, 2018 và 2024. Trước đó, các phiên bản cũ của tiêu chuẩn đã được áp dụng bắt buộc theo Nghị định số 256/2016 và dự thảo sửa đổi gần nhất đã được thông báo tới WTO ngày 07/4/2026. Nghị định sẽ có hiệu lực kể từ ngày tiếp theo ngày công bố trên Công báo chính thức. ***Thời hạn góp ý trước ngày 06/12/2026.***
14	G/SPS/N/KHM/4	CLCB	Cam-pu-chia	06/10/2026	Cam-pu-chia ban hành Quy định về kiểm soát và kiểm tra chất lượng, an toàn đối với cá và sản phẩm thủy sản.	Cam-pu-chia ban hành Quy định về kiểm soát và kiểm tra chất lượng, an toàn đối với cá và sản phẩm thủy sản. Quy định gồm 5 chương, áp dụng đối với hoạt động sản xuất, chế biến, xuất khẩu và nhập khẩu cá, sản phẩm thủy sản, bao gồm thực vật thủy sinh, động vật thủy sản và các sản phẩm có nguồn gốc từ các đối tượng này. Theo đó, Quy định đưa ra các yêu cầu về điều kiện vệ sinh trong nuôi trồng, khai thác, thu hoạch, chế biến, bảo quản, vận chuyển, đóng gói và ghi nhãn sản phẩm, đồng thời yêu cầu các cơ sở sản xuất, chế biến thực hiện

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						truy xuất nguồn gốc, kiểm soát an toàn thực phẩm và áp dụng hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (Hazard Analysis and Critical Control Point - HACCP). Bên cạnh đó, Quy định hướng dẫn hoạt động kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền, bao gồm đăng ký, phê duyệt cơ sở, lấy mẫu kiểm nghiệm, kiểm soát dư lượng thuốc thú y, hóa chất và các chất gây ô nhiễm, cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với sản phẩm xuất khẩu và xử lý các trường hợp không đáp ứng yêu cầu. Ngoài ra, quy định cũng yêu cầu đối với kiểm tra hồ sơ, giấy chứng nhận, điều kiện an toàn thực phẩm và lấy mẫu kiểm nghiệm khi cần thiết. ***Quy định có hiệu lực từ ngày 01/3/2024.***
15	G/SPS/N/KHM/3	CLCB	Cam-pu-chia	06/10/2026	Cam-pu-chia ban hành Luật Thủy sản.	Cam-pu-chia ban hành Luật Thủy sản. Bộ luật bao gồm gồm 15 chương và 104 điều, quy định về quản lý, bảo tồn và phát triển ngành thủy sản theo hướng hiệu quả, bền vững. Theo đó, Luật tập trung vào bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực, bảo vệ sức khỏe con người, tạo thuận lợi cho hoạt động thương mại và quá cảnh cá, sản phẩm thủy sản, đồng thời bảo vệ quyền và lợi ích của ngư dân, cộng đồng nghề cá, người nuôi trồng thủy sản và các cơ sở kinh doanh thủy sản. Phạm vi áp dụng bao gồm thực vật thủy sinh, động vật thủy sản, các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật thủy sinh, động vật thủy sản và các đối tượng khác thuộc diện quản lý. Bên cạnh đó, Luật đề cập đến việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hệ sinh thái thủy sinh và hài hòa các quy định về an toàn thực phẩm với tiêu chuẩn quốc tế, trong đó có

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm (CXC 1-1969) và Quy phạm thực hành đối với cá và sản phẩm thủy sản (CXC 52-2003) của Codex. ***Luật có hiệu lực từ ngày 28/6/2025***.
16	G/SPS/N/TUR/151/Add.1	ATTP	Thổ Nhĩ Kỳ	05/10/2026	Thổ Nhĩ Kỳ ban hành Quy định về hương liệu thực phẩm và một số thành phần thực phẩm có đặc tính tạo hương dùng trong và trên thực phẩm.	Thổ Nhĩ Kỳ ban hành Quy định về hương liệu thực phẩm và một số thành phần thực phẩm có đặc tính tạo hương dùng trong và trên thực phẩm (Dự thảo trước đó đã được thông báo tại số G/SPS/N/TUR/151 ngày 22/11/2024). Quy định đưa ra các yêu cầu đối với hương liệu thực phẩm, thành phần thực phẩm có đặc tính tạo hương, nguyên liệu nguồn được sử dụng trong sản xuất, điều kiện sử dụng và nguyên tắc ghi nhãn, đồng thời quy định điều kiện sản xuất đối với hương liệu khói. Một số chất tạo hương được liệt kê trong điều khoản chuyển tiếp sẽ không còn được phép đưa ra thị trường, sử dụng trong sản xuất thực phẩm hoặc nhập khẩu kể từ ngày 31/12/2026. Quy định có hiệu lực kể từ ngày đăng Công báo, tức ngày 14/9/2026. Các cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi điều chỉnh phải tuân thủ các quy định chậm nhất đến ngày 31/12/2026. Các sản phẩm đã được đưa ra thị trường trước ngày 31/12/2026 được phép tiếp tục lưu hành đến hết thời hạn sử dụng theo các quy định chuyển tiếp.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
17	G/SPS/N/NIC/377	CNTY	Cộng hòa Ni-ca-ra-goa	05/10/2026	Ni-ca-ra-goa ban hành Nghị quyết số 035-2026 quy định về đăng ký và truy xuất nguồn gốc đối với lợn.	Ni-ca-ra-goa ban hành Nghị quyết số 035-2026 quy định về đăng ký và truy xuất nguồn gốc đối với lợn. Theo đó, Nghị quyết quy định các yêu cầu hành chính, kỹ thuật và vệ sinh bắt buộc đối với việc đăng ký, nhận diện và truy xuất nguồn gốc lợn trên toàn lãnh thổ Ni-ca-ra-goa. Quy định áp dụng đối với các trang trại lợn, cơ sở thu gom, trung tâm giống, đơn vị vận chuyển, thương nhân, cơ sở giết mổ và nhà máy chế biến tham gia chuỗi sản xuất, kinh doanh thịt lợn. Các cơ sở và chủ thể liên quan phải đăng ký trên hệ thống TRAZARAGRO và được cấp Mã cơ sở duy nhất Código Unico de Establecimiento - CUE. Lợn khi vận chuyển phải được nhận diện từ cơ sở xuất phát hoặc cơ sở thu gom. Đối với lợn giống, lợn nhập khẩu và lợn xuất khẩu, việc nhận diện cá thể bằng thẻ tai chính thức sử dụng công nghệ (Identificación por Radiofrecuencia - RFID) là bắt buộc. Lợn từ các trang trại gia đình hoặc chăn nuôi nhỏ lẻ có thể được nhận diện theo cá thể hoặc theo lô. Mọi hoạt động vận chuyển lợn trong lãnh thổ Ni-ca-ra-goa phải có Giấy hướng dẫn vận chuyển và kiểm soát vệ sinh duy nhất (Guía Única de Movilización y Control Sanitario - GUIASA), được cấp dưới dạng bản giấy hoặc điện tử thông qua hệ thống TRAZARAGRO. GUIASA có hiệu lực tối đa 72 giờ và chỉ áp dụng cho một lần vận chuyển. Các cơ sở giết mổ phải kiểm tra GUIASA trước khi tiếp nhận, giết mổ và phải thông báo cho (Instituto de Protección y Sanidad Agropecuaria - IPSA) khi phát hiện sai lệch hồ sơ hoặc dấu hiệu bệnh trên động vật.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Việc triển khai được thực hiện theo lộ trình, trong đó đăng ký các trang trại quy mô công nghiệp, bán công nghiệp và cơ sở thu gom được áp dụng ngay. Yêu cầu bắt buộc về GUIASA được áp dụng sau 6 tháng, còn nhận diện theo lô và nhận diện cá thể bằng RFID đối với lợn giống, lợn nhập khẩu và xuất khẩu được áp dụng chậm nhất sau 18 tháng kể từ ngày ký Nghị quyết. ***Nghị quyết được ban hành ngày 12/5/2026.***
18	G/SPS/N/NIC/376	CNTY	Cộng hòa Ni-ca-ra-goa	05/10/2026	Ni-ca-ra-goa ban hành Nghị quyết số 046-2026 quy định về một số chất sử dụng trong thú y bị cấm và hạn chế.	Ni-ca-ra-goa ban hành Nghị quyết số 046-2026 quy định về một số chất sử dụng trong thú y bị cấm và hạn chế. Theo đó, Nghị quyết quy định việc kiểm soát sử dụng và lưu hành các chất dùng trong thú y thuộc diện cấm hoặc hạn chế, trong đó cấm sản xuất, đăng ký lưu hành, nhập khẩu, mua bán, vận chuyển, bảo quản, quản lý, tàng trữ và sử dụng 56 chất trên tất cả các loài động vật thủy sinh và trên cạn, kể cả khi các chất này được sử dụng riêng lẻ, phối hợp, làm nguyên liệu, có trong thuốc thú y thành phẩm hoặc làm thành phần thức ăn chăn nuôi. Nghị quyết đồng thời quy định hạn chế cụ thể đối với clenbuterol, gentian violet, nhóm nitroimidazole, avermectin, sulfonamide, chất kháng khuẩn dùng làm chất kích thích sinh trưởng hoặc cải thiện năng suất, methylene blue và chlorpromazine. Trong đó, clenbuterol chỉ được phép sử dụng cho ngựa theo các chỉ định phù hợp với Codex Alimentarius, gentian violet và methylene blue chỉ được phép sử dụng ngoài da cho động vật trên cạn, nitroimidazole chỉ được phép sử dụng cho chó và mèo, còn thuốc tiêm chứa ivermectin, abamectin hoặc doramectin dùng cho động vật sản xuất

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						thực phẩm bị cấm khi nồng độ vượt quá 1%. Đối với sulfonamide, việc sử dụng được phép ở các loài động vật nhưng không áp dụng cho động vật giáp xác và bò đang cho sữa. Việc sử dụng chất kháng khuẩn làm chất kích thích sinh trưởng bị cấm đối với thủy sản, động vật nhai lại và ong, trong đó thủy sản và động vật nhai lại chỉ được sử dụng với mục đích điều trị có căn cứ, còn đối với ong cấm sử dụng chất kháng khuẩn nói chung. Nghị quyết cũng bổ sung quy định đối với các cơ sở thuộc Hệ thống sản xuất bò phân tách (Sistema Segregado de Produccién Bovina-SSPB), bao gồm cấm beta-agonist dùng cho tác dụng đồng hóa và hạn chế việc sử dụng các chất đồng hóa, thuốc cầu trùng làm chất kích thích sinh trưởng. Đối với động vật và sản phẩm động vật xuất khẩu, các yêu cầu cấm hoặc hạn chế thuốc thú y được áp dụng theo yêu cầu của thị trường nhập khẩu. ***Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 13/8/2026***.
19	G/SPS/N/USA/3598	TTBVTV	Hoa Kỳ	02/10/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức tối đa dư lượng đối với muối natri của acifluorfen trên củ cải đường.	Hoa Kỳ ban hành quy định về mức tối đa dư lượng đối với muối natri của acifluorfen trên củ cải đường.Theo đó, Cơ quan Bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ (Environmental Protection Agency - EPA) quy định mức dư lượng cho phép của hoạt chất này trên hoặc trong củ cải đường lấy củ là 0,06 ppm, theo đề nghị của UPL NA, Inc. và căn cứ Luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (Federal Food, Drug, and Cosmetic Act - FFDCA). Quy định này liên quan đến lĩnh vực an toàn thực phẩm, áp dụng đối với tất cả các đối tác thương mại.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Quy định được ban hành, công bố và có hiệu lực từ ngày 29/9/2026. Thời hạn gửi góp ý trước ngày 30/11/2026.
20	G/SPS/N/EU/985	CNTY	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2115 ngày 23/9/2026 gia hạn cấp phép sử dụng menadione sodium bisulphite (vitamin K3) và menadione nicotinamide bisulphite (vitamin K3) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2115 ngày 23/9/2026 gia hạn cấp phép sử dụng menadione sodium bisulphite (vitamin K3) và menadione nicotinamide bisulphite (vitamin K3) làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Hai chất này thuộc nhóm phụ gia dinh dưỡng, nhóm chức năng vitamin, tiền vitamin và các chất được xác định rõ về mặt hóa học có tác dụng tương tự, đồng thời Quy định bãi bỏ Quy định (EU) 2015/2307. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), menadione sodium bisulphite và menadione nicotinamide bisulphite tiếp tục an toàn đối với tất cả các loài động vật, người tiêu dùng và môi trường trong các điều kiện sử dụng đã được cấp phép. Tuy nhiên, EFSA cho rằng việc phơi nhiễm của người sử dụng với hai chất này qua bất kỳ đường nào đều có rủi ro và cần được hạn chế tối đa. EFSA không yêu cầu đánh giá lại hiệu quả của các phụ gia do hồ sơ gia hạn không đề xuất thay đổi điều kiện sử dụng có ảnh hưởng đến hiệu quả, đồng thời không yêu cầu biện pháp giám sát đặc biệt sau khi đưa ra thị trường. Quy định áp dụng cho tất cả các loài động vật và không quy định mức hàm lượng tối thiểu hoặc tối đa trong thức ăn hỗn hợp. Đối với menadione sodium bisulphite, phụ gia phải có độ tinh khiết tối thiểu 96% phức hợp MSB, tương ứng tối thiểu 50% menadione, với hàm lượng chromium III và IV không quá 45 mg/kg. Khi ghi

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						nhãn, 1 mg vitamin K3 tương đương 1 mg menadione và 2 mg menadione sodium bisulphite. Đối với menadione nicotinamide bisulphite, độ tinh khiết tối thiểu là 96% phức hợp, tương ứng tối thiểu 43,9% menadione và 31,2% nicotinamide, với hàm lượng chromium III và IV không quá 142 mg/kg. Khi ghi nhãn, 1 mg vitamin K3 tương đương 1 mg menadione và 2,27 mg menadione nicotinamide bisulphite. Cả hai phụ gia phải được đưa vào thức ăn dưới dạng premix. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro, đặc biệt đối với phơi nhiễm chromium qua đường hô hấp hoặc qua da, và sử dụng thiết bị bảo hộ đường hô hấp, mắt và da khi cần thiết. Giai đoạn chuyển tiếp được áp dụng đối với phụ gia và premix sản xuất, ghi nhãn trước 14/4/2027, thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi dùng cho động vật lấy thực phẩm trước 14/10/2027, và dùng cho động vật không lấy thực phẩm trước 14/10/2028. Thời hạn cấp phép kéo dài đến 14/10/2036. ***Quy định được thông qua ngày 23/9/2026, công bố ngày 24/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
21	G/SPS/N/EU/984	CNTY, TTBVTV	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2158 ngày 28/9/2026 cấp phép sử dụng tinh dầu nụ đinh hương, tinh dầu lá đinh hương và phân đoạn giàu beta-caryophyllene của tinh dầu lá đinh hương từ *Syzygium aromaticum* (L.) Merr. & L.M. Perry làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2158 ngày 28/9/2026 cấp phép sử dụng tinh dầu nụ đinh hương, tinh dầu lá đinh hương và phân đoạn giàu beta-caryophyllene của tinh dầu lá đinh hương từ *Syzygium aromaticum* (L.) Merr. & L.M. Perry làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Các phụ gia này thuộc nhóm phụ gia cảm quan, nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Quy định không cho phép sử dụng các phụ gia này trong nước uống cho động vật. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), ba phụ gia trên không gây lo ngại về an toàn đối với động vật vỗ béo và rất ít khả năng gây tác động bất lợi đối với các loài khác, động vật sống lâu và động vật sinh sản khi sử dụng ở các mức tối đa quy định cho từng loài. Việc sử dụng theo điều kiện đề xuất cũng không gây lo ngại đối với người tiêu dùng và môi trường. Tuy nhiên, các phụ gia có thể gây kích ứng da, mắt và gây mẫn cảm qua da, đường hô hấp. Do người sử dụng có thể phơi nhiễm với methyleugenol, mức độ phơi nhiễm cần được hạn chế. Quy định đưa ra mức hàm lượng tối đa riêng cho từng loại phụ gia và từng loài, nhóm động vật trong thức ăn hỗn hợp có độ ẩm 12%. Đối với tinh dầu nụ đinh hương, mức tối đa dao động từ 25-50 mg/kg đối với phần lớn nhóm động vật, trong đó gà tây vỗ béo là 43 mg/kg, gà thịt và gia cầm nhỏ vỗ béo 32 mg/kg, lợn vỗ béo 50 mg/kg, mèo 25 mg/kg. Đối với tinh dầu lá đinh hương, mức tối đa dao động từ 28-100 mg/kg, trong đó gà tây vỗ béo 48 mg/kg, lợn vỗ béo 77 mg/kg, lợn sinh sản

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						95 mg/kg, bê vỗ béo đến 6 tháng tuổi 100 mg/kg, chó 100 mg/kg, mèo 28 mg/kg. Đối với phân đoạn giàu beta-caryophyllene của tinh dầu lá đinh hương, mức tối đa dao động từ 20-114 mg/kg, trong đó gà tây vỗ béo 34 mg/kg, lợn vỗ béo 54 mg/kg, bê vỗ béo đến 6 tháng tuổi 114 mg/kg, cá hồi và các loài cá vây nhỏ 112 mg/kg, chó 50 mg/kg và mèo 20 mg/kg. Các phụ gia phải được đưa vào thức ăn dưới dạng premix. Việc sử dụng đồng thời với các phụ gia khác được phép với điều kiện tổng hàm lượng các hợp chất p-allylalkoxybenzene, gồm methyleugenol, estragole, elemicin, safrole, myristicin, dillapiole và apiole, không vượt mức tương ứng theo điều kiện cấp phép. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và sử dụng thiết bị bảo hộ đường hô hấp, mắt và da khi cần thiết. Giai đoạn chuyển tiếp được áp dụng đối với phụ gia và premix sản xuất, ghi nhãn trước 19/4/2027, thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi dùng cho động vật lấy thực phẩm trước 19/10/2027, và dùng cho động vật không lấy thực phẩm trước 19/10/2028. Thời hạn cấp phép kéo dài đến 19/10/2036. Quy định được thông qua ngày 28/9/2026, công bố ngày 29/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
22	G/SPS/N/EU/983	CNTY	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2129 ngày 24/9/2026 về việc gia hạn cấp phép sử dụng L-cysteine hydrochloride monohydrate làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho mèo và chó.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2129 ngày 24/9/2026 liên quan đến việc gia hạn cấp phép sử dụng L-cysteine hydrochloride monohydrate làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho mèo và chó, đồng thời bãi bỏ Quy định (EU) 2015/2306. Dựa trên đánh giá của Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), chất này thuộc danh mục phụ gia cảm quan, nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Quy định yêu cầu biện pháp bảo vệ người sử dụng do gây kích ứng da, mắt, niêm mạc. Quy định không đặt giới hạn hàm lượng tối đa bắt buộc nhưng yêu cầu ghi hàm lượng tối đa khuyến nghị trên nhãn sản phẩm là 25 mg/kg thức ăn hỗn hợp có độ ẩm 12%. Giai đoạn chuyển tiếp: phụ gia và premix cho mèo/chó sản xuất trước 15/4/2027; thức ăn hỗn hợp cho mèo/chó sản xuất trước 15/10/2028. ***Quy định thông qua ngày 24/9/2026, công bố ngày 25/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.***
23	G/SPS/N/EU/982	CNTY, TTBVTV	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2128 ngày 18/9/2026 về việc cấp phép sử dụng tinh dầu sả chiết xuất từ *Cymbopogon nardus* (L.) Rendle làm phụ gia thức ăn chăn nuôi.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2128 ngày 18/9/2026 liên quan đến việc cấp phép sử dụng tinh dầu sả chiết xuất từ *Cymbopogon nardus* (L.) Rendle làm phụ gia thức ăn chăn nuôi. Dựa trên đánh giá của Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), chất này thuộc danh mục phụ gia cảm quan, nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Quy định không cho phép dùng trong nước uống và yêu cầu biện pháp bảo vệ người sử dụng do gây kích ứng da, mắt, đường hô hấp và cần giảm thiểu phơi nhiễm methylhexenol. Quy định ban hành các

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						giới hạn hàm lượng tối đa đối với tinh dầu sả, tính bằng miligam hoạt chất trên kilogam thức ăn hỗn hợp có độ ẩm 12%, áp dụng theo từng loài động vật. Mức giới hạn tối đa được áp dụng cho gà tây vỗ béo là 24,0 mg/kg; đối với gà thịt và gia cầm nhỏ vỗ béo là 18,0 mg/kg; đối với tất cả gia cầm nuôi để đẻ hoặc nhân giống và chim cảnh là 3,5 mg/kg; đối với lợn vỗ béo và lợn giống nhỏ là 20,0 mg/kg; đối với lợn con (bú và cai sữa) là 3,5 mg/kg; đối với tất cả lợn giống sinh sản là 6,0 mg/kg; đối với bê vỗ béo (tối đa 6 tháng tuổi), cừu và dê vỗ béo là 20,0 mg/kg; đối với mèo và các loài động vật khác là 2,0 mg/kg. Giai đoạn chuyển tiếp: phụ gia và premix sản xuất trước 11/4/2027; thức ăn cho động vật lấy thực phẩm trước 11/10/2027; cho động vật không lấy thực phẩm trước 11/10/2028. ***Quy định thông qua ngày 18/9/2026, công bố ngày 21/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.***
24	G/SPS/N/EU/981	CNTY, TTBVTV	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2113 ngày 23/9/2026 về việc cấp phép sử dụng tinh dầu hương thảo chiết xuất từ *Salvia rosmarinus* Spenn. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2113 ngày 23/9/2026 liên quan đến việc cấp phép sử dụng tinh dầu hương thảo chiết xuất từ *Salvia rosmarinus* Spenn. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi. Dựa trên đánh giá của Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), chất này thuộc danh mục phụ gia cảm quan, nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Quy định không cho phép dùng trong nước uống và yêu cầu biện pháp bảo vệ người sử dụng do gây kích ứng da, mắt, đường hô hấp. Quy định ban hành các giới hạn hàm lượng tối đa đối với tinh

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						dầu hương thảo, tính bằng miligam hoạt chất trên kilogam thức ăn hỗn hợp có độ ẩm 12%, áp dụng theo từng loài động vật. Mức giới hạn tối đa được áp dụng cho gà tây vỗ béo là 20,8 mg/kg; đối với gà thịt và gia cầm nhỏ vỗ béo là 18,0 mg/kg; đối với tất cả gia cầm nuôi để đẻ hoặc nhân giống, chim cảnh, lợn vỗ béo, lợn giống nhỏ, lợn con (bú và cai sữa) và cá cảnh là 20,8 mg/kg; đối với chó là 20,8 mg/kg; đối với mèo là 14,1 mg/kg; đối với các loài và loại động vật khác là 14,1 mg/kg. Giai đoạn chuyển tiếp: phụ gia và premix sản xuất trước 14/4/2027; thức ăn cho động vật lấy thực phẩm trước 14/10/2027; cho động vật không lấy thực phẩm trước 14/10/2028. ***Quy định thông qua ngày 23/9/2026, công bố ngày 24/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.***
25	G/SPS/N/EU/980	CNTY	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2110 ngày 23/9/2026 cấp phép sử dụng tinh dầu Origanum chiết xuất từ *Origanum majorana* L. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2110 ngày 23/9/2026 cấp phép sử dụng tinh dầu Origanum chiết xuất từ *Origanum majorana* L. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Phụ gia này thuộc nhóm phụ gia cảm quan, nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Quy định không cho phép sử dụng tinh dầu kinh giới trong nước uống cho động vật. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), tinh dầu Origanum an toàn đối với tất cả các loài động vật vỗ béo và rất ít khả năng gây tác động bất lợi đối với động vật sống

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						lâu và động vật sinh sản ở mức sử dụng tối đa 10 mg/kg thức ăn hỗn hợp. Việc sử dụng phụ gia theo điều kiện đề xuất không gây lo ngại về an toàn đối với người tiêu dùng và môi trường. Tuy nhiên, phụ gia có thể gây kích ứng da, mắt và gây mẫn cảm qua da, đường hô hấp. Do có chứa estragole, chất có khả năng gây độc gen và ung thư, việc phơi nhiễm của người sử dụng cần được hạn chế tối đa. Quy định xác định hàm lượng tối đa của tinh dầu Origanum là 10 mg/kg thức ăn hỗn hợp có độ ẩm 12%, áp dụng cho tất cả các loài động vật. Phụ gia phải được đưa vào thức ăn dưới dạng premix. Thành phần tinh dầu có hàm lượng estragole không quá 0,29% và myristicin không quá 0,001%. Việc sử dụng đồng thời tinh dầu kinh giới với các phụ gia khác được phép với điều kiện tổng hàm lượng các hợp chất p-allylalkoxybenzene, gồm methyleugenol, estragole, elemicin, safrole, myristicin, dillapiole và apiole, không vượt mức tương ứng theo điều kiện cấp phép. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và sử dụng thiết bị bảo hộ da, mắt và đường hô hấp khi cần thiết. Giai đoạn chuyển tiếp được áp dụng đối với phụ gia và premix sản xuất, ghi nhãn trước 14/4/2027, thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi dùng cho động vật lấy thực phẩm trước 14/10/2027, và dùng cho động vật không lấy thực phẩm trước 14/10/2028. Thời hạn cấp phép kéo dài đến 14/10/2036. ***Quy định được thông qua ngày 23/9/2026, công bố ngày 24/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
26	G/SPS/N/EU/979	CNTY	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2091 ngày 18/9/2026 cấp phép sử dụng clinoptilolite có nguồn gốc từ tro núi lửa làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho gia cầm vỗ béo, gia cầm nuôi để đẻ hoặc sinh sản, chim cảnh, lợn con và lợn vỗ béo.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2091 ngày 18/9/2026 cấp phép sử dụng clinoptilolite có nguồn gốc từ tro núi lửa làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho gia cầm vỗ béo, gia cầm nuôi để đẻ hoặc sinh sản, chim cảnh, lợn con và lợn vỗ béo. Phụ gia này thuộc nhóm phụ gia công nghệ, nhóm chức năng chất chống vón cục. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), clinoptilolite có nguồn gốc từ tro núi lửa an toàn ở mức tối đa 20.000 mg/kg thức ăn hỗn hợp đối với các nhóm động vật được cấp phép, đồng thời an toàn đối với người tiêu dùng và môi trường trong điều kiện sử dụng đề xuất. Phụ gia không gây kích ứng da hoặc mắt nhưng có thể gây mẫn cảm qua da và đường hô hấp, do đó cần hạn chế phơi nhiễm. EFSA cũng kết luận chất này có hiệu quả làm chất chống vón trong thức ăn chăn nuôi. Quy định xác định hàm lượng tối đa của clinoptilolite từ tất cả các nguồn là 20.000 mg/kg thức ăn hỗn hợp có độ ẩm 12%. Phụ gia phải chứa ít nhất 85% clinoptilolite, hàm lượng khoáng feldspar, mica và đất sét không quá15%, nickel không quá 0,1 mg/kg, silica tinh thể có khả năng hô hấp không quá 0,1% và không chứa amiăng. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải xây dựng quy trình kiểm soát rủi ro. Trường hợp không loại bỏ được nguy cơ, người sử dụng phải sử dụng thiết bị bảo hộ da và đường hô hấp, đồng thời chú ý nguy cơ hít phải silica tinh thể và nickel. ***Thời hạn cấp phép kéo dài đến 11/10/2036. Quy định thông qua ngày 18/9/2026, công bố ngày 21/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.***

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
27	G/SPS/N/EU/978	CNTY	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2090 ngày 18/9/2026 cấp phép sử dụng tinh dầu đại hồi chiết xuất từ *Illicium verum* Hook.f. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2090 ngày 18/9/2026 cấp phép sử dụng tinh dầu đại hồi chiết xuất từ *Illicium verum* Hook.f. làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Phụ gia này thuộc nhóm phụ gia cảm quan, nhóm chức năng hợp chất tạo hương. Quy định không cho phép sử dụng tinh dầu đại hồi trong nước uống cho động vật. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), việc sử dụng tinh dầu đại hồi theo các điều kiện quy định không gây lo ngại về an toàn đối với động vật, người tiêu dùng và môi trường. Tuy nhiên, phụ gia có thể gây kích ứng da, mắt, gây mẫn cảm da và đường hô hấp. Do có chứa estragole, chất được xếp vào nhóm nghi ngờ gây đột biến gen và ung thư, mức độ phơi nhiễm cần được hạn chế tối đa. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và sử dụng thiết bị bảo hộ đường hô hấp, mắt và da khi các biện pháp kiểm soát khác không loại bỏ được rủi ro. Quy định đưa ra hàm lượng tối đa của tinh dầu đại hồi trong thức ăn hỗn hợp có độ ẩm 12% theo từng loài, nhóm động vật, trong đó một số mức đáng chú ý gồm: gà tây vỗ béo 24,8 mg/kg, gà thịt và gia cầm nhỏ vỗ béo 18,5 mg/kg, lợn vỗ béo 40,0 mg/kg, bê vỗ béo đến 6 tháng tuổi 83,3 mg/kg, cừu và dê vỗ béo 73,3 mg/kg, động vật họ thỏ vỗ béo 29,3 mg/kg, cá hồi và các loài cá vây nhỏ 83,8 mg/kg, chó 1,9 mg/kg, mèo 1,6 mg/kg và cá cảnh 6,5 mg/kg. Đối với nhiều nhóm động vật nuôi sinh sản hoặc các loài, nhóm khác, giới hạn dao động từ 0,6–1,6 mg/kg. Việc sử dụng đồng thời với các phụ gia khác chỉ được phép khi tổng

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						hàm lượng các hợp chất p-allylalkoxybenzene, gồm methyleugenol, estragole, elemicin, safrole, myristicin, dillapiole và apiole, không vượt mức tương ứng theo điều kiện cấp phép. Giai đoạn chuyển tiếp được áp dụng đối với phụ gia và premix sản xuất, ghi nhãn trước 11/4/2027, thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi dùng cho động vật lấy thực phẩm trước 11/10/2027, và dùng cho động vật không lấy thực phẩm trước 11/10/2028. Thời hạn cấp phép kéo dài đến 11/10/2036. ***Quy định thông qua ngày 18/9/2026, công bố ngày 21/9/2026 và có hiệu lực từ ngày thứ 20 sau khi đăng Công báo EU.***
28	G/SPS/N/EU/977	CNTY	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2087 ngày 18/9/2026 cấp phép sử dụng L-isoleucine làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2087 ngày 18/9/2026 cấp phép sử dụng L-isoleucine làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Theo đó, L-isoleucine được sản xuất bằng *Corynebacterium glutamicum* CCTCC M 2022764, thuộc nhóm phụ gia dinh dưỡng, nhóm chức năng axit amin, muối và các chất tương tự, được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi và nước uống cho tất cả các loài động vật. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), phụ gia này an toàn đối với vật nuôi khi được bổ sung với lượng phù hợp nhu cầu dinh dưỡng, đồng thời an toàn đối với người tiêu dùng và môi trường. Tuy nhiên, EFSA lưu ý nguy cơ mất cân bằng dinh dưỡng và vấn đề vệ sinh khi sử dụng qua nước uống. Đối với động vật nhai lại, L-isoleucine phải được bảo vệ khỏi sự phân giải trong dạ cỏ.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Quy định yêu cầu nhãn phụ gia và premix lưu ý việc bổ sung L-isoleucine phải tính đến tổng lượng các axit amin thiết yếu và axit amin thiết yếu có điều kiện để tránh mất cân bằng dinh dưỡng. Cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân khi cần thiết. Thời hạn cấp phép đến ngày 11/10/2036. ***Quy định được công bố ngày 21/9/2026 và có hiệu lực từ ngày 11/10/2026***.
29	G/SPS/N/EU/976	CNTY	Liên minh châu Âu	02/10/2026	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2084 ngày 18/9/2026 gia hạn cấp phép sử dụng các dạng tocopherol làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật.	Liên minh châu Âu ban hành Quy định (EU) 2026/2084 ngày 18/9/2026 gia hạn cấp phép sử dụng các dạng tocopherol làm phụ gia thức ăn chăn nuôi cho tất cả các loài động vật. Theo đó, Quy định gia hạn việc sử dụng chiết xuất tocopherol từ dầu thực vật, chiết xuất giàu tocopherol từ dầu thực vật (giàu delta) và alpha-tocopherol thuộc nhóm phụ gia công nghệ, nhóm chức năng chất chống oxy hóa, đồng thời bãi bỏ Quy định (EU) 2015/1152. Theo đánh giá của Cơ quan An toàn thực phẩm châu Âu (European Food Safety Authority - EFSA), các chất này tiếp tục an toàn đối với vật nuôi, người tiêu dùng và môi trường trong điều kiện sử dụng đã được cấp phép. Tuy nhiên, các chất có thể gây mẫn cảm qua da và đường hô hấp, vì vậy cơ sở kinh doanh thức ăn chăn nuôi phải áp dụng các biện pháp kiểm soát rủi ro và sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân khi cần thiết. Quy định cũng đưa ra các biện pháp chuyển tiếp đối với phụ gia, premix, thức ăn hỗn hợp và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi đã được sản xuất, ghi nhãn theo quy định trước đây.

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						Thời hạn cấp phép kéo dài đến 11/10/2036. ***Quy định được công bố ngày 21/9/2026 và có hiệu lực từ ngày 11/10/2026.***
30	G/SPS/N/USA/3300/Add.1	ATTP	Hoa Kỳ	01/10/2026	Hoa Kỳ ban hành quy định về việc cấp phép sử dụng men nướng bánh mì bất hoạt vitamin D2 (vitamin D2 inactive bakers' yeast) như một nguồn cung cấp vitamin D2 trong các danh mục thực phẩm cụ thể cho người.	Hoa Kỳ ban hành quy định về việc cấp phép sử dụng men nướng bánh mì bất hoạt vitamin D2 (vitamin D2 inactive bakers' yeast) như một nguồn cung cấp vitamin D2 trong các danh mục thực phẩm cụ thể cho người. Theo đó, phụ gia được phép sử dụng trong các loại thực phẩm với định mức giới hạn hàm lượng vitamin D2 tối đa như sau: 350 IU/100 g đối với ngũ cốc ăn sáng; 90 IU/100 g cho sản phẩm ngũ cốc và mì ống; 400 IU/100 g cho các sản phẩm bánh nướng, đồ ăn nhẹ và bột nướng lên men. Đối với nhóm đồ uống, định mức là 100 IU/240 mL cho sinh tố trái cây, nước ép rau củ, nước ép trái cây 100% và thức uống từ nước ép trái cây (có bổ sung canxi đáp ứng ngưỡng quy định, không áp dụng cho sản phẩm của trẻ sơ sinh); 84 IU/100 g đối với đồ uống từ thực vật thay thế sữa; và 89 IU/100 g đối với đồ uống từ đậu nành và sản phẩm thực vật thay thế sữa chua. Với các sản phẩm thay thế khác, mức quy định là 330 IU/100 g cho sản phẩm phết từ đậu nành thay thế bơ và 270 IU/100 g cho sản phẩm đậu nành thay thế phô mai. Ngoài ra, định mức cũng quy định 80 IU/28 g cho đồ ăn nhẹ từ rau củ dạng ép đùn; 80 IU/85 g cho sản phẩm protein thực vật; 100 IU/245 mL đối với súp và hỗn hợp súp (trừ các loại chịu sự quản lý của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ); 100 IU/40 g cho thanh thay thế bữa ăn nhằm giảm cân; 140 IU/240 mL cho thức uống thay thế bữa ăn từ protein đậu nành nhằm giảm cân; và 500 IU/240 mL đối với thức uống

TT	Mã WTO	Lĩnh vực	Quốc gia/ Khu vực	Ngày thông báo	Tiêu đề	Nội dung thông báo
						thay thế bữa ăn không nhằm giảm cân (với điều kiện tổng lượng vitamin D không vượt quá 1.000 IU/ngày). Quy định này được ban hành theo Đạo luật Liên bang về Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm (Federal Food, Drug, and Cosmetic Act - FD&C Act) trên cơ sở kiến nghị của Lallemand Inc. Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (Food and Drug Administration - FDA) đã tiến hành thẩm định dữ liệu khoa học để ban hành các thông số kỹ thuật kiểm soát chặt chẽ đối với phụ gia (như độ ẩm dưới 7%, âm tính với các vi khuẩn gây bệnh như *Salmonella* và *E. coli*, cùng các giới hạn nghiêm ngặt về kim loại nặng như chì không quá 0,5 mg/kg và thạch tín không quá 0,3 mg/kg). Bên cạnh đó, quy trình chế biến của phụ gia cũng được quy định rõ bằng việc chiếu tia cực tím (UV) vào men nướng bánh mì (*Saccharomyces cerevisiae*) để sinh ra vitamin D2, sau đó dùng nhiệt để bất hoạt men nhằm đảm bảo tính an toàn cho người sử dụng. ***Thời hạn góp ý trước ngày 26/10/2026.***

- Nội dung chi tiết được đăng tải tại: www.spsvietnam.gov.vn

- Ghi chú chữ viết tắt liên quan đến các lĩnh vực/đơn vị quản lý nhà nước: ATTP: An toàn thực phẩm (Cục ATTP - Bộ Y tế); TTBVTV: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật; CCPT: Chất lượng, chế biến và Phát triển thị trường; CNTY: Chăn nuôi và Thú y; TSKN: Cục thủy sản và Kiểm ngư; BCT: Bộ Công Thương